

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09-7-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Minh Thân

Ông Lý Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hứa Thị T, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn: Anh Liễu Văn H, sinh năm 1988, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 11-11-2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hứa Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H quen biết nhau và tự

nguyện đến với nhau không ai ép buộc, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, sau đó đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 24-4-2008. Sau khi kết hôn anh, chị về sinh sống cùng gia đình tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, nhưng sau một thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hơn nữa anh Liễu Văn H hay rượu chè và mắc các tệ nạn xã hội về nhà thường xuyên đánh đập vợ con; do vậy từ năm 2020 anh, chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị Hứa Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Liễu Văn H.

Về con chung: Chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H có 02 con chung là cháu Liễu Yên N, sinh ngày 10-12-2006, cháu Liễu Gia B, sinh ngày 14-11-2010. Sau khi ly hôn chị Hứa Thị T yêu cầu anh Liễu Văn H là người trực tiếp được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai 30-6-2021 anh Liễu Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân trước khi kết hôn anh Liễu Văn H và chị Hứa Thị T được tự do tìm hiểu yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 24-4-2008, sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị Hứa Thị T đi làm ở Công ty dưới tỉnh Bắc Ninh từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh và chị Hứa Thị T ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Hứa Thị T xin ly hôn anh không nhất trí vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn chị Hứa Thị T quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh Liễu Văn H và chị Hứa Thị T có 02 con chung là cháu Liễu Yên N, sinh ngày 10-12-2006, cháu Liễu Gia B, sinh ngày 14-11-2010. Nếu phải ly hôn anh Liễu Văn H nhất trí với ý kiến của chị Hứa Thị T anh sẽ là người trực tiếp được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố

tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, viết bản tự khai, tham gia phiên họp và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Bị đơn viết bản tự khai, tuy nhiên không tham gia phiên họp và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Hứa Thị T. Chị Hứa Thị T được ly hôn với anh Liễu Văn H.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Liễu Yến N, sinh ngày 10/12/2006 và Liễu Gia B, sinh ngày 14/11/2010 cho anh Liễu Văn H người trực tiếp được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Hứa Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Hứa Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Liễu Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Liễu Văn H. Chị Hứa Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết việc ly hôn. Anh Liễu Văn H hiện nay cư trú tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn và có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24-4-2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị Hứa Thị T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi chửi nhau, cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa hợp được. Anh Liễu Văn H trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị Hứa Thị T đi làm ở Công ty dưới tỉnh Bắc Ninh từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh và chị Hứa Thị T ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Hứa Thị T xin ly hôn anh không nhất trí vì tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn chị Hứa Thị T quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H có Liễu Xuân Đ (là ông nội của anh Liễu Văn H và ở cùng nhà với vợ chồng chị Hứa Thị T, anh Liễu Văn H), ông Hứa Viết T (là bố đẻ của chị Hứa Thị T) đều xác nhận cả hai vợ chồng chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H có mâu thuẫn, hay xảy ra cãi nhau, hiện nay đã sống ly thân. Tại phiên tòa chị Hứa Thị T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng hiện nay đã sống ly thân. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Hứa Thị T xin ly hôn nhưng anh Liễu Văn H không đồng ý, tuy nhiên từ khi sống ly thân đến nay anh Liễu Văn H cũng không quan tâm, liên lạc động viên chị Hứa Thị T. Do đó chị Hứa Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Liễu Văn H có căn cứ phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H có 02 con chung là cháu Liễu Yến N, sinh ngày 10-12-2006, cháu Liễu Gia B, sinh ngày 14-11-2010. Sau khi ly hôn chị Hứa Thị T yêu cầu anh Liễu Văn H là người trực tiếp được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Liễu Văn H cũng nhất trí với yêu cầu trên. Tại biên bản tự khai của cháu Liễu Yến N và Liễu Gia B trình bày có nguyện vọng ở với bố là anh Liễu Văn H. Do vậy Hội đồng xét xử thấy việc giao quyền nuôi dưỡng con chung cho anh Liễu Văn H là phù hợp vì hiện nay chị Hứa Thị T không có nhà ở và đi làm thuê tại Bắc Ninh, không có điều kiện để đảm bảo cho con chung sinh hoạt, học tập, hai cháu hiện nay cũng đang học ổn định tại Trường Tiểu học, Trung học xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, việc giao con chung cho anh Liễu Văn H cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Hứa Thị T và anh Liễu Văn H, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Hứa Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, về con chung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Hứa Thị T. Chị Hứa Thị T được ly hôn với anh Liễu Văn H.

2. Về con chung: Giao anh Liễu Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên tên Liễu Yến N, sinh ngày 10-12-2006 và Liễu Gia B, sinh ngày 14-11-2010 đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Hứa Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu) đồng kể từ ngày 09/7/2021 đến khi con đủ 18 tuổi.

Trường hợp chị Hứa Thị T chậm trả tiền cấp dưỡng tiền nuôi con thì chị Hứa Thị T phải chịu lãi phát sinh do chậm trả tiền. Lãi phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Chị Hứa Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0000561 ngày 25/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Chị Hứa Thị T còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hứa Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Liễu Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CCTHADS huyện Văn Lãng;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện Văn Lãng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh